

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC II- ĐÀ NẴNG

Số: **45/2025/QĐST-HNGĐ**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Đậu Quyết T1; sinh năm 1990; CCCD số: 040090023793 cấp ngày 22/4/1990. Trú tại: K N, phường S, TP Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Ngọc T; sinh năm 1994; CCCD số: 048194006476 cấp ngày 28/6/2021. Trú tại: tổ C, phường A, Thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Ông Đậu Quyết T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S (cũ), nay là phường S, Tp . theo giấy chứng nhận số 235 ngày 20 tháng 10 năm 2017. Mâu thuẫn xin ly hôn là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi sinh hoạt trong gia đình, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông T1 và bà T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: ông T1 và bà T khai nhận có 01 con chung là 01 con chung là Đậu Quang K, sinh ngày 23/06/2018. Ly hôn hai bên thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông T1 và bà T xác nhận không có

[4]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông T1 và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 23/7/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đậu Quyết T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72 của UBND phường A, quận S (cũ), nay là phường A, Tp . cấp ngày 21/06/2007 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Đậu Quyết T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận có 01 con chung là Đậu Quang K, sinh ngày 23/06/2018. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đậu Quang K, sinh ngày 23/06/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đậu Quyết T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung nợ chung: ông T1 và bà T khai nhận không có

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) Ông Đậu Quyết T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0000563** ngày **15/7/2025** của Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Ông T1 và bà T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 Đà Nẵng;
- THADS TPĐN;
- Phòng THADS KV 2 ĐN;
- UBND p An Hải, TPĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy